

Bản án số: 81/2020/DS-ST

Ngày: 15/9/2020

*“V/v Tranh chấp hợp đồng góp hụi”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K - TỈNH KIÊN GIANG**

***- T phân Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Pho.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Huỳnh Nhã Trúc.
2. Ông Trương Thanh Giảng.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Lê Xuân Cường là Thư ký Tòa án nhân dân huyện K - tỉnh Kiên Giang.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Cẩm Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 153/2020/TLST-DS ngày 21 tháng 5 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2020/QĐXXST-DS, ngày 31 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Duy N – sinh năm 1981. Địa chỉ: Ấp Lung Lớn, xã Kiên Bình, huyện K, tỉnh Kiên Giang. (có mặt)

2. *Bị đơn:*

- Bà Ngô Thị N – sinh năm 1967. (có mặt).

- Ông Huỳnh Văn T – sinh năm 1964. (có mặt).

Cùng địa chỉ: Khu phố Lò Bom, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Bà Trần Duy N trình bày và yêu cầu như sau:*

Bà N có tham gia chơi hụi do bà Ngô Thị N làm chủ. Bà tham gia các dây hụi như sau: Dây hụi khai ngày 30/6/2016, bà tham gia 10 chân, mỗi tháng khai 01 lần,

loại hụi 1.000.000 đồng/tháng, bà đóng hụi sống được 23 lần, với số tiền là 166.200.000 đồng. Dây hụi khai ngày 30/8/2017, bà tham gia 14 chân, mỗi tháng khai 01 lần, loại hụi 1.000.000 đồng/tháng, bà đóng hụi sống được 09 lần, với số tiền là 88.200.000 đồng. Tổng cộng số tiền hụi bà đã đóng là 254.400.000 đồng.

Do bà N mất khả năng thanh toán nhưng vẫn khai hụi rồi tự hốt hụi lên chứ không có hụi viên nào được hốt. Do vậy bà N yêu cầu vợ chồng bà N và ông Huỳnh Văn T phải trả lại số tiền hụi là 254.400.000 đồng cho bà và yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật.

*Tại biên biên bản hòa giải và biên bản ghi lời khai bà Ngô Thị N trình bày:*

Bà N thừa nhận có nợ tiền hụi như bà Trần Duy N trình bày là đúng. Bà cũng đã trả được số tiền là 11.300.000 đồng cho bà N. Như vậy, bà chỉ còn nợ lại bà N số tiền là 243.100.000 đồng. Nguyên nhân không trả được nợ do bà làm ăn thất bại, nên không có tiền để trả nợ. Hiện nay do bà đang bệnh, hoàn cảnh gặp nhiều khó khăn nên không thể trả nợ được, khi nào hết bệnh sẽ làm trả nợ sau. Bà N cho rằng chuyện bà tổ chức chơi hụi thì chồng bà là ông Huỳnh Văn T không hay biết, tuy nhiên bà thừa nhận số tiền hụi này bà đem về sử dụng vào mục đích trang trải, phục vụ cuộc sống chung của gia đình.

*Tại biên bản hòa giải và bản tự khai ông Huỳnh Văn T trình bày:*

Chuyện chơi hụi giữa vợ ông là bà Ngô Thị N với bà Trần Duy N ông hoàn toàn không hay biết. Những lần tham gia chơi hụi đều là giao dịch giữa vợ ông với bà N, chứ ông đều không được 02 người thông báo và việc ký tờ cam kết cũng chỉ có mình vợ ông ký chứ ông không hề ký. Nếu bà N có làm ăn gì với vợ ông thì khởi kiện vợ ông đòi nợ chứ ông không có liên quan. Ông hiện nay chỉ ở nhà không có làm ăn gì hết và chỉ uống rượu với bạn bè nên không thể thiếu nợ bà N được.

Tại phiên tòa, bà Trần Duy N thừa nhận có nhận của bà N số tiền 11.300.000 đồng, nay bà yêu cầu vợ chồng ông T, bà N phải trả số tiền nợ hụi còn lại là 243.100.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Bà N xin trả dần mỗi tháng là 5.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Ông T đồng ý phụ giúp bà N trả nợ dần cho bà N.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng trình tự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N, buộc bà N, ông T trả cho bà N số tiền nợ hụi, do bà N xin rút lại yêu cầu tính lãi nên ghi nhận. Bà N, ông T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ pháp luật tranh chấp: Bị đơn bà Ngô Thị N và ông Huỳnh Văn T đều có nơi cư trú tại khu phố Lò Bom, thị trấn K,

huyện K, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K. Đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng góp hội" quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa: Hội đồng xét xử xác định bà Trần Duy N có tham gia 02 dây hội với tổng cộng 24 chân hội do bà Ngô Thị N làm chủ, loại hội tháng, mỗi chân hội là 1.000.000 đồng/tháng và đóng được 32 lần tiền hội. Tổng số tiền bà N đã đóng hội cho bà N là 254.400.000 đồng, nhưng bà N chưa được hốt hội lần nào. Bà N thừa nhận có nợ bà N số tiền trên, và có trả cho bà N số tiền 11.300.000 đồng, số tiền hội còn nợ lại là 243.100.000 đồng. Ông Huỳnh Văn T chồng bà N không thừa nhận đây là số nợ chung của vợ chồng mà cho rằng đây là số nợ riêng của bà N, vì việc chơi hội giữa bà N với bà N thì ông không biết. Tại phiên tòa, ông T thừa nhận bà N có tham gia chơi hội nhưng không biết cụ thể những người chơi cùng bà N, nay ông T đồng ý phụ giúp bà N trả nợ hội cho bà N. Vì vậy bà N yêu cầu ông T, bà N cùng có trách nhiệm trả số tiền nợ hội còn lại là 243.100.000 đồng là phù hợp nên chấp nhận, bà N xin rút lại yêu cầu tính lãi nên ghi nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do bà N, ông T bị buộc trả nợ nên phải chịu án phí sơ thẩm trên số tiền phải trả. Trả lại cho bà N số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Các Điều 357, 468, 471 của Bộ luật Dân sự;
- Các Điều 26, 35, 39, 144, 145, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Buộc bà Ngô Thị N và ông Huỳnh Văn T phải trả cho bà Trần Duy N số tiền 243.100.000 đồng.

Kể từ ngày bà N có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà N, ông T không thực hiện nghĩa vụ thi hành án thì bà N, ông T còn phải chịu thêm một khoản lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự quy định tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí:

- Buộc bà N và ông T phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 12.155.000 đồng.

- Bà N được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.360.000 đồng theo lai thu số 0000145 ngày 21/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Kiên Giang.

3. Quyền kháng cáo: Bà N, bà N, ông T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

**Nơi nhận:**

- TAND tænh Kieân Giang;
- VKSND tænh Kieân Giang;
- VKSND huyeân K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Nhöông ngôôøi TGTT;
- Löu taáp àn, hoà sô;

**TM. HOÀI ÑOÀNG XEÙT XÔU SÔ  
THAẢM  
THAẢM PHAÙN – CHUÛ TOAÏ PHIEÂN  
TOËA**

**Nguyễn Văn Pho**